

cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và những người làm công tác dân tộc;

22. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban

a) Các tổ chức giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

1. Vụ Chính sách dân tộc;
2. Vụ Công tác dân tộc Tây Bắc (gọi tắt là Vụ Địa phương I);
3. Vụ Công tác dân tộc Tây Nguyên (gọi tắt là Vụ Địa phương II);
4. Vụ Công tác dân tộc đồng bằng Sông Cửu Long (gọi tắt là Vụ Địa phương III);
5. Vụ Tuyên truyền;
6. Vụ Pháp chế;
7. Vụ Kế hoạch - tài chính;
8. Vụ Hợp tác quốc tế;
9. Vụ Tổ chức cán bộ;
10. Thanh tra;
11. Văn phòng.

b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc Ủy ban:

1. Viện Dân tộc;
2. Trường Đào tạo nghiệp vụ công tác dân tộc;
3. Trung tâm Tin học;
4. Tạp chí Dân tộc;
5. Báo Dân tộc và phát triển.

Điều 4. Ủy viên kiêm nhiệm của Ủy ban

Ủy viên kiêm nhiệm của Ủy ban Dân tộc do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định này thay thế Nghị định số 59/1998/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05 tháng 8 năm 2002 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ nhất quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc Bộ quản lý; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác, chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

2. Ban hành theo thẩm quyền các quyết định, chỉ thị, thông tư và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách

nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ sau khi được phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

4. Về hoạt động khoa học và công nghệ:

a) Xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các đề án về phương hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy việc hình thành các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật trên cơ sở công nghệ mới và công nghệ cao;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng và trình Chính phủ đề án về quy hoạch mạng lưới các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong phạm vi cả nước. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ về điều kiện thành lập và cơ chế hoạt động của các doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, cơ chế đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, biện pháp thực hiện chính sách xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Nhà nước, sử dụng, phát triển nhân lực khoa học và công nghệ;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và trình Chính phủ dự toán ngân sách hàng năm cho lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và đặc thù riêng của hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

d) Quy định việc đánh giá, nghiệm thu, ứng dụng và công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ) Quy định cụ thể điều kiện thành lập đối với từng loại hình tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ. Thống

nhất quản lý việc đăng ký hoạt động đối với các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

e) Chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định của Chính phủ;

f) Tổ chức thẩm định, giám định nhà nước về công nghệ đối với các dự án đầu tư nhóm A, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; thống nhất quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định, tư vấn và chuyển giao công nghệ;

g) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin khoa học và công nghệ;

h) Thường trực Hội đồng Chính sách khoa học và công nghệ Quốc gia; Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ.

5. Về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm:

a) Thống nhất quản lý nhà nước hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn nước ngoài ở Việt Nam;

b) Thống nhất quản lý nhà nước hệ thống chuẩn đo lường, chứng nhận mẫu chuẩn, quy định phép đo, phương pháp đo và phê duyệt mẫu phương tiện đo; tổ chức việc kiểm định phương tiện đo, công nhận khả năng kiểm định, ủy quyền kiểm định nhà nước;

c) Thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, quy định nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí của các tổ chức công nhận và chứng nhận chất lượng; tổ chức việc công nhận và chứng nhận chất lượng; chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ký kết và thực hiện các thoả thuận, điều ước quốc tế về việc thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động công nhận và chứng nhận chất lượng sản phẩm;

6. Về sở hữu trí tuệ (không bao gồm quyền tác giả về văn học, nghệ thuật và nhãn hiệu hàng hóa):

a) Tổ chức thực hiện xác lập quyền sở hữu trí tuệ;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ;

c) Quy định và chỉ đạo hoạt động của hệ thống tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ; chỉ đạo về nghiệp vụ sở hữu trí tuệ đối với các ngành, địa phương, doanh nghiệp và cơ sở;

7. Về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân:

a) Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu về năng lượng nguyên tử và công nghệ hạt nhân;

b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức khai báo, đăng ký, cấp giấy phép về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ;

c) Thống nhất và chịu trách nhiệm quản lý về chất thải phóng xạ và quan trắc môi trường phóng xạ; kiểm soát và xử lý sự cố bức xạ;

8. Quản lý và tổ chức việc thực hiện các dự án đầu tư thuộc Bộ theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

9. Hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân địa phương về việc thực hiện chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật và chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

10. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật;

11. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại các đơn vị thuộc Bộ quản lý;

12. Xây dựng và trình Chính phủ ban hành cơ

chế, chính sách khuyến khích phát triển dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; quyết định các chủ trương, biện pháp cụ thể và chỉ đạo việc thực hiện cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công theo quy định của pháp luật; quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công thuộc Bộ;

13. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn của nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật;

14. Quản lý nhà nước đối với các hoạt động của hội và tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật;

15. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

16. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Bộ theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ; xây dựng và quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

18. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Bộ

a) Các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

1. Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên;
2. Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật;

3. Vụ Đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ;

4. Vụ Công nghệ cao;

5. Vụ Kế hoạch - tài chính;

6. Vụ Hợp tác quốc tế;

7. Vụ Pháp chế;

8. Vụ Tổ chức cán bộ;

9. Thanh tra;

10. Văn phòng;

11. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

12. Cục Sở hữu trí tuệ;

13. Cục Kiểm soát và an toàn bức xạ, hạt nhân;

14. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ:

1. Viện Chiến lược và chính sách khoa học và công nghệ;

2. Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam;

3. Viện ứng dụng công nghệ;

4. Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia;

5. Trường Nghiệp vụ quản lý Khoa học và Công nghệ;

6. Trung tâm Tin học;

7. Báo Khoa học và phát triển;

8. Tạp chí Hoạt động Khoa học;

9. Tạp chí Tia sáng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ

máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

BỘ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Bưu chính viễn thông số **90/2003/QĐ-BBCVT** ngày **15/5/2003** về việc ban hành “Quy định về việc phát hành tem bưu chính kỷ niệm”.

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính Viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy định về việc phát hành tem bưu chính kỷ niệm”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - tài chính, Cục trưởng các Cục Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực và thủ trưởng các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Bưu chính Viễn thông
Thủ trưởng

TRẦN NGỌC BÌNH

QUY ĐỊNH về việc phát hành Tem Bưu chính kỷ niệm

(ban hành kèm theo quyết định số 90/2003/QĐ-BBCVT, ngày 15 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và ý nghĩa

09640333